

Bản án số: 558/2021/DS-ST

Ngày: 10-12/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1290/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2021/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách XH.

Trụ sở: Đường Đ, phường HL, quận HM, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, địa chỉ T, Phường L, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 112/GUQ-NHCS ngày 23/11/2020). Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Ngọc D.

Địa chỉ: Đường T, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Tôn Thọ N. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường T, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Anh Tôn Thọ H. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đường T, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ làm việc: Đường , Phường SS, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách XH (gọi tắt Ngân hàng) ông Nguyễn Minh H trình bày: Ngày 28/10/2008, bà Trịnh Thị Ngọc D, ông Tôn Thọ N và con là sinh viên Tôn Thọ H có làm Giấy đề nghị vay vốn chương trình học sinh sinh viên số tiền 32.000.000đ. Mục đích vay vốn: Chi phí học tập cho sinh viên Tôn Thọ H. Thời gian đề nghị xin vay: 108 tháng. Lãi suất cho vay 0,5%/tháng. Ngày 15/11/2008, Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã ký xác nhận về đối tượng và đề nghị mức cho vay đối với hộ bà D là 32.000.000 đồng. Ngày 19/11/2008 Ngân hàng Chính sách XH chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã phê duyệt mức vay trên và tiến hành giải ngân theo đợt, chi tiết như sau: Ngày 21/11/2008: Giải ngân đợt 1 (học kỳ 1, năm học 2008-2009) số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 03/02/2009: Giải ngân đợt 2 (học kỳ 2, năm học 2008-2009) số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 01/9/2009: Giải ngân đợt 3 (học kỳ 1, năm học 2009-2010) số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 06/02/2010: Giải ngân đợt 4 (học kỳ 2, năm học 2009-2010) số tiền 4.000.000 đồng; Ngày 29/11/2010: Giải ngân đợt 5 (học kỳ 1, năm học 2010-2011) số tiền 3.110.000 đồng; Ngày 17/03/2011: Giải ngân đợt 6 (học kỳ 2, năm học 2010-2011) số tiền 3.610.000 đồng.

Tổng số tiền cho vay sau 06 lần giải ngân số tiền là 22.720.000 đồng. Do hộ bà D không nhận hết hạn mức phê duyệt của Ngân hàng nên Ngân hàng thay đổi thời hạn thanh toán từ 15/11/2018 thành 17/11/2016 nên thời hạn vay còn 96 tháng. Từ ngày nhận tiền vay đến nay, gia đình bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, chỉ mới trả được số tiền lãi 2.259.314 đồng. Để bảo toàn nguồn vốn của Ngân sách Nhà nước. Ngân hàng Chính sách XH khởi kiện yêu cầu buộc bà Trịnh Thị Ngọc D, đồng thời yêu cầu ông Tôn Thọ N, anh Tôn Thọ H cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ vay số tiền là 37.599.435 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 28/10/2008 gồm tiền gốc 22.720.000 đồng, và tiền lãi trong hạn và quá hạn số tiền 14.879.435 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà D phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên ông N và anh H không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa: Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 09/12/2021 của đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh H yêu cầu như sau: Buộc bà Trịnh Thị Ngọc D, đồng thời yêu cầu ông Tôn Thọ N, anh Tôn Thọ H cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ vay tổng số tiền 39.000.280 đồng gồm: Nợ gốc 22.720.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 21/11/2008 cho đến ngày 07/02/2017 số tiền 7.705.939 đồng với mức lãi suất 0,5% tháng (trong đó số tiền 4.000.000 đồng lãi tính từ ngày 01/9/2009 cho đến ngày 31/8/2011 mức lãi suất 1,7%/tháng) và lãi quá hạn tính từ ngày 08/02/2017 cho đến ngày 10/12/2021 số tiền 8.574.341 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 28/10/2008, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Trịnh Thị Ngọc D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tôn Thọ N, anh Tôn Thọ H đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách XH khởi kiện bị đơn bà D trả số tiền vay còn thiếu là phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “ Bà Trịnh Thị Ngọc D, ông Tôn Thọ N, anh Tôn Thọ H có hộ khẩu tại địa chỉ số đường T, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không thực tế cư trú tại địa chỉ, bỏ đi đâu không rõ.”, theo kết quả xác minh của trường trung học C như sau: “ Thầy Tôn Thọ H hiện còn đang giảng dạy tại trường C.”, thì theo giấy đề nghị vay vốn kiêm

phương án sản xuất và kế ước nhận nợ thể hiện bên vay bà D đã cung cấp địa chỉ đường T cho Ngân hàng. Do bà D thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Căn cứ tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo kết quả xác minh của Công an Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà D có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại số đường T, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, anh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đại diện nguyên đơn ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên xét xử vắng mặt ông Hải.

[1.6] Bị đơn bà D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên xét xử vắng mặt bà D, ông N, anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc bà Trịnh Thị Ngọc D , đồng thời yêu cầu ông Tôn Thọ N, anh Tôn Thọ H cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ vay tổng số tiền 39.000.280 đồng gồm: Nợ gốc 22.720.000 đồng, lãi trong hạn tính từ ngày 21/11/2008 cho đến ngày 07/02/2017 số tiền 7.705.939 đồng với mức lãi suất 0,5% tháng (trong đó số tiền 4.000.000 đồng lãi tính từ ngày 01/9/2009 cho đến ngày 31/8/2011 mức lãi suất 1,7%/tháng) và lãi quá hạn tính từ ngày 08/02/2017 cho đến ngày 10/12/2021 số tiền 8.574.341 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 28/10/2008, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau “*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định.*”, tại khoản 1 Điều 474 nghĩa vụ trả nợ bên vay như sau: “*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.*”.

[2.1.2] Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh, sinh viên thông qua hộ gia đình ngày 28/10/2008 như sau: Người vay Trịnh Thị Ngọc D, người thừa kế Tôn Thọ H, sinh năm 1989, quan hệ với người vay con, bà D đề nghị Ngân hàng Chính sách XH chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cho vay số tiền 32.000.000 đồng để dùng vào chi phí học tập, làm chi phí trong thời gian học tại trường 4 năm, thời hạn vay 108 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, số tiền trả nợ 4.000.000 đồng/lần, lãi suất cho vay 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,65%/tháng, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng quý vào ngày 15. Bà D được Ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền 32.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/tháng, lãi quá hạn là 0,65%/tháng và thời hạn vay 108 tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 15/11/2018.

[2.1.3] Tại bảng theo dõi nợ vay và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ của bà D, thể hiện bà D nhận tổng số tiền 22.720.000 đồng vay từ Ngân hàng như sau: Ngày 21/11/2008 vay số tiền 4.000.000 đồng, ngày 03/02/2009 vay số tiền 4.000.000 đồng, ngày 01/9/2009 vay số tiền 4.000.000 đồng, ngày 06/02/2010 vay số tiền 4.000.000 đồng, ngày 29/11/2010 vay số tiền 3.110.000 đồng, ngày 17/3/2011 vay số tiền 3.610.000 đồng. Do bà D không đến Ngân hàng nhận số tiền vay còn lại vì vậy Ngân hàng đã chủ động xác định lại thời hạn trả nợ cuối cùng của bà D trước khi định lại từ ngày 15/11/2018, định lại thành ngày 17/11/2016 theo thông báo định lại hạn trả nợ gửi cho Lâm Trần Kim H - Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn hộ bà D vào ngày 01/9/2016 là phù hợp với quy định tại Điều 6 của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính Phủ. Vì vậy, thời hạn trả nợ của bà D vào ngày 17/11/2016 nhưng do bà D không thanh toán cho nợ gốc số tiền 22.720.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên yêu cầu của Ngân hàng trả số tiền 22.720.000 đồng là có cơ sở xem xét.

[2.2] Về nợ lãi:

Căn cứ tại Điều 7 của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về lãi suất cho vay như: “*1. Lãi suất cho*

vay ưu đãi đối với học sinh, sinh viên là 0,5%/tháng. 2. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất cho vay.”, thì đối chiếu giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh sinh viên thông qua hộ gia đình ngày 28/10/2008 thì Ngân hàng phê duyệt lãi suất cho vay với bà D với mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn phù hợp quy định pháp luật nên thỏa thuận này là hợp pháp. Theo sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ thể hiện Ngân hàng có xem xét giảm mức lãi suất còn 0,17%/tháng từ ngày 01/9/2009 cho đến ngày 31/8/2011 của số tiền vay 4.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 22.720.000 đồng vay của Ngân hàng theo từng thời kỳ nêu trên thì ngày 31/10/2013 bà D thanh toán lãi cho Ngân hàng được số tiền 2.259.314 đồng. Thời hạn trả nợ của bà D vào ngày 07/11/2016 nhưng Ngân hàng đã thông báo gia hạn thời gian trả nợ cho bà D đến ngày 07/02/2017 và thông báo danh sách chuyển nợ gửi cho Lâm Trần Kim H - Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn hộ bà D để thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 08/02/2017. Từ những viển dẫn nêu trên việc Ngân hàng yêu cầu trả lãi như sau: Lãi trong hạn tính từ ngày 21/11/2008 cho đến ngày 07/02/2017 số tiền 7.705.939 đồng với mức lãi suất 0,5% tháng (trong đó số tiền 4.000.000 đồng lãi tính từ ngày 01/9/2009 cho đến ngày 31/8/2011 mức lãi suất 1,7%/tháng) và lãi quá hạn tính từ ngày 08/02/2017 cho đến ngày 10/12/2021 số tiền 8.574.341 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 28/10/2008 là phù hợp với quy định pháp luật là có cơ sở xem xét

[2.3] Căn cứ tại khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về phương thức cho vay như sau: “ 1. Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình là người trực tiếp vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.” thì đối chiếu yêu cầu của Ngân hàng buộc bà D, đồng thời yêu cầu ông N, anh H cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản nợ vay theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 28/10/2008 cho Ngân hàng là không phù hợp quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu này. Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ chương trình cho vay học sinh sinh viên thông qua hộ gia đình ngày 28/10/2008 thì bà D là người trực tiếp vay vốn, nhận tiền của Ngân hàng thì có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp quy định của pháp luật nên cần buộc bà D trả cho Ngân hàng tổng số tiền 39.000.280 đồng bao gồm: Nợ gốc số tiền 22.720.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/11/2008 cho đến ngày 07/02/2017 số tiền 7.705.939 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 08/02/2017 cho đến ngày

10/12/2021 số tiền 8.574.341 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 28/10/2008 là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà D phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận số tiền là 1.950.014 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, khoản 6 Điều 95, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 6 và Điều 7 của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính Phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách XH .

Buộc bà Trịnh Thị Ngọc D trả cho Ngân hàng Chính sách XH tổng số tiền 39.000.000 đồng gồm: Nợ gốc số tiền 22.720.000 và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/11/2008 cho đến ngày 07/02/2017 số tiền 7.705.939 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 08/02/2017 cho đến ngày 10/12/2021 số tiền 8.574.341 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước nhận nợ ngày 28/10/2008. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trịnh Thị Ngọc D còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền 22.720.000 đồng theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và kế ước

nhận nợ chương trình cho vay học sinh sinh viên thông qua hộ gia đình ngày 28/10/2008.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Ngọc D phải chịu 1.950.014 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Chính sách XH, bị đơn bà Trịnh Thị Ngọc D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tôn Thọ N, anh Tôn Thọ H thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn